

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-PT

Ngày: 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ

Các Thẩm phán:

Ông Hà Quang Dĩnh

Ông Phạm Đình Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLPT - HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Vũ B do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Bị cáo không có kháng cáo: **Vũ B**, sinh ngày 20/10/1974 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; Đăng ký nhân khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; con ông: Vũ Đức T (đã chết) và bà Cao Thị H, sinh năm 1940; có vợ là Vũ Minh N; có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ B: **Luật sư Phùng Đức H**, Công ty Luật TNHH 828 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: **Anh Lê Văn T**, sinh năm 1974.

Trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 55/KSĐT - TA ngày 21/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST

ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04 tháng 10 năm 2016, bị hại Lê Văn T phát hiện một nhóm người, (trong đó có quen bị cáo Vũ B) trồng cột điện vào phần đất đồi ở Tiểu khu I, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình thuộc quyền sử dụng của gia đình bị hại; anh T yêu cầu bị cáo Vũ B gọi chủ đầu tư đến gặp anh T để đền bù phần đất trồng cột điện.

Khoảng 07 giờ ngày 06/10/2016, bị hại Lê Văn T đi ô tô chở vợ là chị Bùi Thị Đ đi qua, nhìn thấy bị cáo Vũ B và một nhóm người gồm Bạch Việt A, Bùi Văn H, Bùi Văn M đang kéo dây điện mắc lên cột điện trồng từ mấy hôm trước (dây điện của dự án xây dựng trạm BTS do Bưu chính tỉnh Hòa Bình và huyện L là chủ đầu tư). Anh T yêu cầu bị cáo B dừng việc kéo dây điện, gọi chủ đầu tư đến gặp anh T để thương lượng bồi thường phần đất trồng cột điện và kéo dây điện qua đất nhà T. Hai bên lời qua tiếng lại, anh T và bị cáo B cãi chửi nhau. T lấy dao và búa tạ mang theo sẵn để trong xe ô tô đến gần chỗ bị cáo B, nói sẽ chặt dây điện nếu B vẫn tiếp tục kéo dây điện qua phần đất nhà T. B ngăn cản không cho chặt dây điện nên nhặt một hòn đá đánh vào trán của anh T và bỏ chạy; T bị chảy máu ở trán đã đuổi theo B, B chạy được khoảng 10 đến 15 mét thì bị vấp ngã, anh T đuổi kịp, dùng dao chém từ phía sau trúng vào mũ côi B đang đội và trượt xuống cổ; B nhặt đá ném về phía anh T nhưng không trúng, B nhặt nên vớ được một đoạn gốc cây định để đánh anh T thì chị Đ (vợ T) can ngăn, sự việc chấm dứt. Bị hại T và bị cáo B được mọi người đưa đến bệnh viện đa khoa huyện L điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204/PY – GĐTT; số 203/PY – GĐTT ngày 17/11/2016 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hòa Bình kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn T do thương tích gây nên hiện tại là 04%; tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị cáo Vũ B do thương tích gây nên hiện tại là 08%.

Bản án sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Vũ B 08 (Tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 609 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 03/2006/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Buộc bị cáo Vũ B phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn T số tiền là: 20.492.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Buộc anh Lê Văn T phải bồi thường cho bị cáo Vũ B số tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là: 16.225.000đ (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Cần trừ số tiền của anh Lê Văn T và bị cáo Vũ B (20.492.000 – 16.225.000), bị cáo Vũ B phải bồi thường cho anh Lê Văn T là 4.267.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/02/2018 người bị hại Lê Văn T có đơn kháng cáo, yêu cầu:

Tăng hình phạt 03 năm tù và phạt giam bị cáo Vũ B; tăng bồi thường, yêu cầu được bồi thường 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng); Vết thương ở tay bị cáo B không phải do bị hại T gây ra, miễn tiền bồi thường thiệt hại của bị hại đối với bị cáo; làm rõ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo; đưa vật chứng là hòn đá ra xét xử; đưa anh Lê Quý Trọng, anh Trần Hữu Hà, anh Lê Tiến Trông tham gia tố tụng; Miễn tiền xử phạt hành chính, đưa con dao là vật chứng ra phiên tòa phúc thẩm để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại rút yêu cầu kháng cáo: Miễn khoản tiền xử phạt hành chính, không đưa vật chứng là con dao ra phiên tòa phúc thẩm; còn các nội dung khác giữ nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vũ B trình bày: Bị cáo làm thuê đào hồ trồng cột điện và kéo dây điện cho người đàn ông tên Trần Hữu H, tiền công 200.000 đồng/ngày; bị cáo không biết khu vực trồng cột điện là đất của gia đình anh T. Thấy anh T chửi tục và cầm dao, búa đi đến; bị cáo sợ anh T chặt dây điện nên đã ngăn cản; trong lúc không giữ được bình tĩnh bị cáo đã nhặt hòn đá đứng đối diện anh T khoảng 01 mét, tay phải cầm đá đánh vào vùng trán bên trái của bị hại và bỏ chạy. Bị đau anh T cầm dao đuổi bị cáo chém bị cáo bốn nhát, trong đó có 01 nhát trúng mũ cối trượt xuống vai. Trong thời gian hoãn phiên tòa, bị cáo đã nộp 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện L để bồi thường cho anh T theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo Vũ B phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 (điểm b, i, s) Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (tự nguyện nộp 4.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình để bồi thường cho anh T), phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội bị cáo Vũ

B có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ B 08 tháng tù và cho hưởng án treo là phù hợp. Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

Về bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và buộc bị cáo phải bồi thường các chi phí thực tế, hợp lý trong thời gian điều trị (14 ngày) và buộc bị cáo Vũ B phải bồi thường 20.492.000 là phù hợp. Anh T bị thương tích 4%, yêu cầu đòi bồi thường trên 800.000.000 đồng là quá cao, không phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên quyết định về bồi thường của bản án sơ thẩm.

Tranh luận tại phiên tòa, anh T cho rằng thương tích của anh rất nặng, chảy nhiều máu, nhưng cơ quan có thẩm quyền giám định anh bị thương tích 4% là không đúng. Quá trình điều tra anh đã có văn bản yêu cầu giám định lại thương tích của anh, nhưng cơ quan Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện L không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với bị hại: Cơ quan giám định thương tích chịu trách nhiệm về kết quả giám định của mình. Tòa án các cấp căn cứ vào kết quả giám định để giải quyết. Hơn nữa, tại phiên tòa anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không bổ sung kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Lời khai của bị cáo Vũ B tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại Lê Văn T, những người làm chứng, kết luận giám định thương tích cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ pháp luật khẳng định: Khoảng 7 giờ ngày 06/10/2016, tại khu vực Tiểu khu I, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, thấy anh T cầm dao nói sẽ chặt đứt dây điện không cho treo lên cột điện (bị cáo làm thuê cho người khác) nên bị cáo can ngăn, vì không giữ được bình tĩnh bị cáo Vũ B đã nhặt hòn đá đánh vào vùng trán anh T. Hậu quả anh T bị thương tích 4% sức khỏe.

Như vậy, bị cáo Vũ B có hành vi trái pháp luật, sử dụng hòn đá là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh. Việc anh T bị thương tích 04% sức khỏe là do bị cáo B gây ra. Bị cáo B nhận thức được hành vi dùng hòn đá gây thương tích cho anh T là vi phạm pháp luật, nhưng vì quá tức giận, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Tội phạm do bị cáo thực hiện xâm phạm đến sức khỏe của anh T, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ

B về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015) là có căn cứ đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Lê Văn T yêu cầu tăng hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo Vũ B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo gây thương tích cho bị hại 4% sức khỏe, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự; bố đẻ, mẹ đẻ bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến). Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới, nộp 4.000.000 đồng tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình để bồi thường cho bị hại. Qua xem xét khách quan, toàn diện vụ án thấy rằng, mức án 08 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi do bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại T yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ B.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị hại Lê Văn T yêu cầu xử phạt giam bị cáo Vũ B, nhận thấy: Trước khi phạm tội bị cáo Vũ B có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho bị cáo Vũ B được hưởng án treo là đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại T yêu cầu xử phạt giam bị cáo Vũ B.

[3]. Bị hại T kháng cáo cho rằng, tại phiên tòa bị cáo Vũ B không thành khẩn nhận tội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Vũ B nhận tội, thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra, bị cáo rất hối hận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo Vũ B là đúng. Việc bị hại T kháng cáo nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại cho rằng vết thương ở tay bị cáo Vũ B (Giám định thương tích 2% sức khỏe không phải do bị hại gây ra.)

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của những người làm chứng chỉ Bùi Thị H, anh Bạch Việt A khai nhận sau khi bị cáo B nhét hòn đá đánh vào vùng trán anh T, anh T đuổi theo bị cáo B, bị cáo B chạy và ngã sấp hai tay chống xuống đất, bị hại dùng dao chém vào đầu và trượt xuống cổ của bị cáo. Do vậy vết thương ở tay bị cáo là do bị hại gián tiếp gây ra

Như vậy anh T kháng cáo cho rằng cho rằng thương tích 2% ở tay bị cáo không phải do bị hại gây ra là không có căn cứ. Kháng cáo của anh T về nội dung này là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại T yêu cầu được bồi thường 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh T bị thương tích 4% sức khỏe, điều trị tại 02 bệnh viện 14 ngày (Từ ngày 06/10/2016 đến ngày 19/10/2016).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận và buộc bị cáo Vũ B phải bồi thường cho bị hại T toàn bộ các chi phí trong thời gian điều trị tại bệnh viện, cụ thể:

- * Có hóa đơn chứng từ: 8.192.000 đồng
 - Tiền thuốc ngày 11/10/2016 tại quầy thuốc tại bệnh viện huyện L, số tiền: 2.010.000 đồng (BL 258);
 - Chi phí chụp chiếu tại bệnh viện 16A ngày 11/10/2016 số tiền: 1.050.000 đồng (BL 260)
 - Tiền thuốc ngày 19/10/2016 tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình số tiền: 4.415.000 đồng (BL 256)
 - Phiếu thu ngày 19/10/2016 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình số tiền: 717.000 đồng (BL 263)
- * Tự kê khai; không có hóa đơn, chứng từ: 12.300.000 đồng (BL 271)
 - Thuê xe ô tô đi Hòa Bình, số tiền 400.000 đồng
 - Thuê xe ô tô đến bệnh viện 16A chụp chiếu ngày 11/10/2016, số tiền: 800.000 đồng;
 - Viện phí tại bệnh viện đa khoa huyện L số tiền: 500.000 đồng;
 - Tiền ăn của bị hại và một người chăm sóc bị hại là: 100.000 đồng/ngày x 14 ngày số tiền = 1.400.000 đồng.
 - Thu nhập thực tế bị mất của bị hại và một người chăm sóc bị hại trong thời gian 14 ngày nằm viện x 300.000 đồng/2 người/ngày = 4.200.000 đồng
 - Tiền tổn thất về tinh thần cho anh T, số tiền: 5.000.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các chi phí thực tế, hợp lý, hợp pháp, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 10 khoản nêu trên tổng số tiền 20.492.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại T yêu cầu được bồi thường 09 hóa đơn tiền thuốc (từ ngày 22/11/2016 đến ngày 15/6/2017), số tiền: 37.190.000 đồng; cụ thể:

Hóa đơn bán lẻ 03 loại thuốc, ngày 22/11/2016, số tiền 4.415.000 đồng; không có đơn thuốc của bác sĩ điều trị (BL 255)

Hóa đơn bán lẻ 04 loại thuốc ngày 23/12/2016, số tiền 4.575.000 đồng; không có đơn thuốc của bác sĩ điều trị (BL 254)

Hóa đơn bán lẻ 03 loại thuốc, ngày 20/01/2017, số tiền 4.415.000 đồng; không có đơn thuốc của bác sĩ điều trị (BL 252)

Hóa đơn bán lẻ 04 loại thuốc, ngày 27/02/2017, số tiền 5.690.000 đồng; không có đơn thuốc của bác sĩ (BL 251)

Hóa đơn bán hàng 01 loại thuốc, ngày 01/4/2017, số tiền 2.000.000 đồng; có đơn thuốc của bác sĩ khám bệnh, căn bệnh chấn thương sọ não (BL 250)

Hóa đơn bán hàng 05 loại thuốc, ngày 02/4/2017, số tiền 2.850.000 đồng; có đơn thuốc của bác sĩ khám bệnh, căn bệnh chấn thương sọ não (BL 248)

Hóa đơn bán hàng 03 loại thuốc, ngày 18/5/2017, số tiền 4.415.000 đồng; có đơn thuốc của bác sĩ khám bệnh, căn bệnh chấn thương sọ não (BL 246)

Hóa đơn bán hàng 03 loại thuốc, ngày 05/6/2017, số tiền 4.415.000 đồng; có đơn thuốc của bác sĩ khám bệnh, căn bệnh chấn thương sọ não (BL 244)

Hóa đơn bán hàng 03 loại thuốc, ngày 15/6/2017, số tiền 4.415.000 đồng; có đơn thuốc của bác sĩ khám bệnh, căn bệnh chấn thương sọ não (BL 242)

Thấy rằng ngày 11/10/2016 bị hại Lê Văn T đã đến Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông chụp CT Scancer sọ não trên 17 lớp cắt với độ dày lát cắt 7mm, kết luận: “Không có tổn thương não do chấn thương sọ não, kén dịch dưới màng nhện ở hố thái dương bán cầu phải, không có hình ảnh vỡ xương hộp sọ và nền sọ” (BL 261). Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 40/CNTT ngày 25/10/2016 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hòa Bình kết luận: “Chấn thương vùng mặt. Hiện tại còn để lại các sẹo mờ trên cơ thể”.

Như vậy, kết luận giám định bị hại T bị chấn thương vùng mặt, không bị chấn thương sọ não; do đó các đơn thuốc điều trị chấn thương sọ não là không đúng với thương tích của anh T. Việc anh T yêu cầu được bồi thường 09 hóa đơn thuốc với tổng số tiền 37.190.000 đồng là không có cơ sở pháp luật để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận 09 hóa đơn thuốc nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Anh T kê khai yêu cầu được bồi thường: Chi phí cấp giấy chứng nhận thương tích ngày 25/10/2016, số tiền: 950.000 đồng; chi phí giám định pháp y ngày 17/10/2016, số tiền: 2.450.000 đồng.

Thấy rằng, căn cứ vào khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi phí giám định,

định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng thì chi phí nêu trên bị cáo Vũ B không có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận chi phí cấp giấy chứng nhận thương tích ngày 25/10/2016, số tiền: 950.000 đồng; chi phí giám định pháp y ngày 17/10/2016, số tiền: 2.450.000 đồng của bị hại là có căn cứ.

* Bị hại Lê Văn T yêu cầu được bồi thường khoản tiền thu nhập bị mất của bị hại 14 ngày nằm viện: 2.280.000 đồng/ngày x 14 ngày nằm viện là 31.900.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm anh T khai làm nghề lái xe vận tải công việc theo thời vụ, có người thuê thì làm, không có người thuê thì nghỉ, mùa khô có việc, mùa mưa nghỉ. Do đó không xác định được thu nhập chính thức một tháng là bao nhiêu tiền. Tuy nhiên mức thu nhập 2.280.000 đồng/ngày anh T yêu cầu là quá cao, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 150.000 đồng/ngày là phù hợp với thu nhập trung bình tại địa phương. Việc anh T kháng cáo nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

* Đối với khoản tiền thăm mỗ 10.000.000 đồng; Khoản tiền điều trị ở nhà 09 tháng là 615.000.000 đồng (mỗi ngày: 2.280.000 đồng). Theo bệnh án điều trị, khi xuất viện tình trạng của anh T tạm ổn định. Do đó, việc anh T yêu cầu là không có cơ sở để chấp nhận.

* Đối với khoản tiền phạt hợp đồng ngày 22/10/2016 là 64.000.000 đồng. thấy rằng, theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 thì khoản tiền này bị cáo không có nghĩa vụ phải bồi thường cho người bị hại. Việc anh T yêu cầu bồi thường khoản tiền này là không có cơ sở chấp nhận.

* Đối với khoản tiền thuê xe ô tô đi từ huyện L đến Hòa Bình ngày 25/10/2016, số tiền 600.000 đồng, ngày 17/11/2016: 800.000 đồng. Thấy rằng sau khi ra viện sức khỏe của anh T đã tạm ổn định do đó việc anh T yêu cầu bồi thường khoản tiền thuê xe ô tô là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, bị hại T yêu cầu bồi thường 800.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận các chi phí thực tế, hợp lý, hợp pháp theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo Vũ B phải bồi thường cho bị hại T 20.492.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Cần giữ nguyên quyết định về bồi thường.

[6]. Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu đưa vật chứng là hòn đá ra xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cơ quan điều tra truy tìm vật chứng là hòn đá do bị cáo B sử dụng gây thương tích cho anh T nhưng không tìm thấy (Bút lục 39). Cơ quan điều tra cho bị cáo Vũ B nhận dạng 03 hòn đá, trong đó có 01 hòn đá có kích thước 15cm x

14cm x 0,9cm do ông Lê Tiến T (công an viên tiểu khu 1 thị trấn L) giao nộp cho cơ quan công an ngày 07/10/2016. Kết quả không có hòn đá nào do bị cáo Vũ B đã sử dụng gây thương tích cho anh T ngày 06/01/2018.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Vũ B đều khai nhận hòn đá đánh vào trán anh T và bỏ chạy. Do đó, anh T kháng cáo khi xét xử phúc thẩm, cần đưa hòn đá do anh Lê Tiến T nộp cho Công an là không cần thiết vì đây không phải là vật chứng của vụ án.

[7]. Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu đưa anh Lê Quý T, ông Trần Hữu H, anh Lê Tiến T vào tham gia tố tụng ở cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Những người này không chứng kiến việc bị cáo đánh bị hại, không liên quan gì đến vụ án, nên kháng cáo của bị hại về nội dung này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[8]. Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử miễn cho bị hại không phải bồi thường cho bị cáo Vũ B, thấy rằng:

Sau khi bị cáo Vũ B gây thương tích cho anh T, anh T đã dùng dao gây thương tích 8% sức khỏe cho bị cáo Vũ B. Do bị cáo Vũ B gây thương tích cho bị hại trước, nên việc bị hại gây thương tích 8% cho bị cáo B không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng phải bồi thường thương tích cho bị cáo theo quy định của pháp luật

Bị cáo Vũ B nằm viện điều trị 14 ngày, kê khai chi phí điều trị số tiền: 68.624.000 đồng, yêu cầu bị hại phải bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận các chi phí tiền thuốc, tiền mất thu nhập, giảm thu nhập của bị cáo và 01 người chăm sóc bị cáo trong thời gian nằm viện, khoản tiền tổn thất về tinh thần, với tổng số tiền là 16.225.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B vẫn giữ nguyên yêu cầu bị hại phải bồi thường thương tích cho bị cáo, không đồng ý miễn bồi thường cho bị hại. Do đó không có căn cứ để miễn khoản tiền này cho anh T

Như vậy, số tiền bị cáo Vũ B phải bồi thường cho anh Lê Văn T là 20.492.000 đồng, trừ anh T bồi thường cho bị cáo số tiền 16.225.000 đồng thì bị cáo Vũ B phải bồi thường cho anh T số tiền 4.267.000 đồng. Xác nhận ngày 23 tháng 5 năm 2018 bị cáo Vũ B đã nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình để bồi thường cho anh T.

Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm:

Về áp dụng Bộ luật hình sự: Thời điểm xảy ra vụ án ngày 06/10/2016 Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Ngày 01/02/2018 Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. So sánh Tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều

134 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khi xét xử cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa đúng. Nội dung này khắc phục ở cấp phúc thẩm.

Về áp dụng Bộ luật dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 01/02/2018, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 và nghị quyết 03/2006/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (văn bản đã hết hiệu lực pháp luật) là chưa đúng, nội dung này được khắc phục ở cấp phúc thẩm.

Các quyết định khác của Tòa án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Lê Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ B 08 (Tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ B cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, Huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Vũ B phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn T tổng số tiền là: 20.492.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng). Buộc anh Lê Văn T phải bồi thường cho bị cáo Vũ B số tiền: 16.225.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đối trừ bị cáo Vũ B phải bồi thường cho anh T số tiền 4.267.000 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Vũ B đã nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)

tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình để bồi thường cho anh T, theo biên lai thu tiền số 04071 ngày 23/05/2018; phải bồi thường tiếp 267.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại, nếu bị cáo chậm thanh toán số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ B phải chịu 1.024.000đ (Một triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự, anh Lê Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm và 811.000 (Tám trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/6/2018)

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện L;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ